

Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh - Một Nhà Giáo, Một Văn Sĩ

Bài viết về Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh này xin được riêng tặng cho các thầy Mai Kiến Phúc, thầy Nguyễn Thất Hiệp và các anh chị cựu sinh viên du học Nhật Bản. Hai thầy là các giáo sư đã dạy tôi ở những năm đệ nhị cấp, trường Trung Học Ngô Quyền Biên Hoà về Lý Hoá và Toán. Nay hai thầy đã định cư tại Hoa Kỳ. Em thành thật cảm ơn hai thầy đã dạy dỗ em cho em có được như ngày hôm nay. Em xin được đính kèm chuyện ngắn "[Thầy Còn Nhớ Tôi Không](#)" mà giáo sư Nguyễn Xuân Vinh viết như là một món quà nho nhỏ kính gửi đến hai thầy. (Nguyễn Anh Tuấn)

*Có những chàng trai mộng viễn phương,
Say tình sông núi ngát hoa hương.
Cánh chim tung cánh reo hồ hải,
Muôn vạn vì sao đẹp ngã đường*

Tôi muốn mở đầu bài viết này bằng những câu thơ vừa đượm vẻ hào hùng của Nguyễn Công Trứ, vừa có cái lãng mạn của Dũng trong "Đoạn Tuyệt " mà nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam viết cách đây 71 năm trước (1935). Ít có ai trong chúng ta biết đó là bài thơ ngắn của Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh. Ông viết ra bài thơ này khi ông được đeo cánh bay (Tình Người Phi Công).

Ông Nguyễn Xuân Vinh sinh năm 1930 tại Yên Bái. Điều làm tôi ngạc nhiên và thích thú khi biết ông là sinh viên ban "Toán Đại Cương (MG)" của trường đại học khoa học Hà Nội sau khi ông hồi cư vào giữa năm 1950, và sau đó ông đi dạy ở trường Trung Học Nguyễn Trãi, Hà Nội. Ông rất thích toán học và đã đỗ đầu kỳ thi Toán Đại Cương trước khi ông nhập ngũ Trường Sĩ Quan Trừ Bị Nam Định & Thủ Đức vào mùa hè năm 1951. Ông thích toán học và đó là bàn đạp cho ông lấy bằng Cử Nhân và Cao Học về Toán những năm về sau này. Trước 1975, MPC và SPCN (?) là hai phân khoa của trường Khoa Học Sài Gòn được các SV theo học nhiều nhất. Ít có ai theo học MG. Tôi còn nhớ trong MG có thầy Đặng Đình Áng rất nghiêm khắc và thường kêu các sinh viên lên bảng làm toán.

Ông ra trường và được bổ về ngành Công Binh xây cầu ở Thái Bình. Nhà văn Diệu Tần (giáo sư Việt Ngữ tại Naval Post Graduate School, Monterey, California), cũng thuộc Công Binh vào thuở đó, kể lại là ông Nguyễn Xuân Vinh nổi tiếng là tính khối lượng đồ bê tông không bao giờ thừa thiếu một tí nào. Có phải chăng năng khiếu về toán học đã giúp ông thành công trong những project này?

Trước khi đi đơn vị Công Binh, ông đã dự kỳ thi tuyển vào trường [Võ Bị Không Quân Pháp](#) ở Salon De Provence (miền nam nước Pháp), sau đổi thành trường "École De L'Air" (tương đương với trường "Air Force Academy" của Mỹ ở Colorado Springs).

Vì trường đòi hỏi trình độ học vấn, chỉ có năm người VN qualified & trúng tuyển và được gửi sang Pháp học ở trường Võ Bị Không Quân Salon De Provence. Phần đông

được gửi sang học bay ở "Marrakech Air Force Training School", Morocco, trong đó có ông Nguyễn Cao Kỳ.

Trong thời gian học ở Salon De Provence, ông Nguyễn Xuân Vinh ghi danh học toán và tiếp tục học nốt chương trình toán ở Đại Học Marseille và lấy bằng Cử Nhân/Cao Học về Toán Học năm 1954 cùng năm ông tốt nghiệp ở trường Võ Bị Không Quân Salon-De-Provence (ông là phi công vừa là Kỹ Sư Hàng Không).

Trở về nước, ông phục vụ trong binh chủng Không Quân và sau đó ông trở thành Tư Lệnh Không Quân từ năm 1958-1962. Ông "giã từ vũ khí" sang Hoa Kỳ tiếp tục con đường học vấn mà ông bỏ dở. Ông lấy bằng Ph.D về Aerospace Engineering, Đại Học Colorado năm 1965. Ông là người đầu tiên được cấp bằng Ph.D. về Khoa Học Hàng Không & Không Gian của University of Colorado. Sau đó ông nhận một chức vụ trong ban giảng huấn và ở lại dạy ở trường Đại Học Colorado. Năm 1967, ông là giáo sư thỉnh giảng cho trường UC Berkeley (University of California at Berkeley).

Năm 1968, ông nhận dạy ở University Of Michigan at Ann Arbor, School of Engineering, Aerospace Engineering.

Năm 1972, ông lấy nốt bằng Ph.D về Toán Học ở trường Đại Học Paris. Cũng trong năm đó ông trở thành giáo sư thực thụ của trường Đại Học Michigan.

Sau 30 năm giảng dạy ở MGoBlue (nick name của University of Michigan), ông về hưu năm 1999 và trường đã vinh dự tặng cho ông chức vị Professor Emeritus of Aerospace Engineering (Danh Dự Giáo Thụ).

Ông đã đóng góp rất nhiều cho nền giáo dục về Hàng Không & Không Gian. Hàng trăm bài Research về Aerodynamics, về Quỹ Đạo (orbits), về Toán Học. Ông đã được giải thưởng cao quý "Mechanics and Control of Flight Award" của viện Hàng Không & Không Gian Hoa Kỳ (NASA). Ông cũng được bầu làm member của Viện Hàn Lâm Không Gian Quốc Tế và Viện Hàn Lâm Quốc Gia Hàng Không và Không Gian Pháp. Ông được vinh danh người Mỹ gốc Á trong trung tâm NASA Phi Hành Không Gian Lyndon B. Johnson, Houston, 1989.

Ông cũng là Visiting Professor cho các trường "École Nationale Supérieure d'Études Aérospatiales", Pháp; Chair Professor of Applied Mathematics at the National Tsing Hua University, Taiwan; Đại Học Đông Kinh (bài khảo cứu ông viết chung với giáo thụ T. Takehira đăng trên The JAS (Journal of The Atmospheric Sciences), Viện Đại Học Massachusetts, Amherst, Viện Đại Học Oklahoma etc. Ông cũng được mời làm việc chung với Trung Tâm Kỹ Thuật Hàng Không Ba Tây, Sao Paulo, Cơ Quan Phát triển Quốc Phòng Đại Hàn, Taejon.

Về sách chuyên môn và các sách này được dùng trong phân khoa về Aerospace Engineering tại các trường ĐH trên thế giới:

- 1) Hypersonic And Planetary Entry Flight Mechanics (pp 358, The University of Michigan Press, 1980)
- 2) Optimal Trajectories in Atmosphere Flight (pp 402, Elsevier Scientific Publishing Co Amsterdam, 1981)
- 3) Mechanics of High-Performance Aircraft, pp 382, Cambridge University Press, U.K. 1993)

Đại biểu bài đăng trên các tạp chí chuyên môn (Pháp, Nhật, Mỹ)

- 1) "Sur la Stabilité des Points d'Equilibre Triangulaires dans le Probleme Restreint Elliptique", Celestial Mechanics, Vol. 6, 305-321, 1972
- 2) "Exact Solution for Three-Dimensional Interception of A Maneuvering Target", The JAS, 40(3) 283-305
- 3) "Stabilizing Motion Relative To An Unstable Orbit: Application to spacecraft formation flight", Journal of Guidance, Control, and Dynamics 26(1), 62-73, 2003.

Ngoài những thành công về Khoa Học, ông cũng là một văn sĩ, thi sĩ. Ông được chúng ta biết nhiều nhất qua bút hiệu Toàn Phong sau khi ông được Giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961 với "Đời Phi Công". Ông cũng đã viết nhiều chuyện ngắn, bút ký đăng rải rác trên các sách báo hải ngoại.

- 1) Đời Phi Công
- 2) [Thầy Còn Nhớ Tôi Không](#)
- 3) Trái Hương Theo Gió
- 4) Theo Ánh Tinh Cầu
- 5) Tình Toán Học

Qua "Đời Phi Công", chúng ta sẽ tìm thấy một hình ảnh nào đó của mình trong những ngày du học., ông viết :

"Anh viết thư này cho em trong một quán rượu giữa khu Latin, một buổi chiều thu buồn về chậm chậm.

Có qua Ba Lê và lạc vào khu sinh-viên này em mới có thể hiểu được rằng tại sao người ta có thể ngồi viết thư trong một quán rượu. Đọc theo hai bên đại lộ St. Michel từ đầu sông Seine tới vườn Luxembourg người ta chỉ thấy quán rượu, hiệu sách và sạp bán báo. Nói là quán café thì đúng hơn vì thường thì ai cũng chỉ gọi cà-phê hơn là gọi rượu. Vào trong quán tìm một bàn trong một góc kín-đáo nhất, gọi một tách cà-phê rồi trầm ngâm nhìn thiên-hạ là một trong những cái thú của người sinh-viên ở Ba Lê."

Đọc xong có lẽ ít nhiều trong chúng ta sẽ trầm ngâm nhớ về một hình ảnh nào đó của một ngày mưa năm xưa ngồi trong kissaten ở Shibuya, ở Ochanomizu, hay kissaten trong trường đại học nhìn mưa bay bên ngoài.

Được biết, ông có một vợ và 4 con. Ông dành những ngày tuổi già giúp đỡ cộng đồng VN và viết sách.

Xin kính chúc hai thầy và các anh chị một weekend vui vẻ và bình an.

Happy Easter.

Thung Lũng Hoa Vàng, Mùa Lễ Phục Sinh 2006

Nguyễn Anh Tuấn
Ex-Ryu 69

.....

References:

- 1) "Đời Phi Công", Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh (chuyện dài, in lần thứ 6, năm 2005. Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn, P.O Box 3648, San Jose, CA 95156-3648, USA)
- 2) "Top Asian American Professionals": <<http://goldsea.com/TAAP/M-R/nguyenx.html>>
- 3) <http://www.vietnamreview.com/english/modules.php?name=News&file=article&sid=35>

Các anh chị vào item 3 để thấy có nhiều Vietnamese American tài giỏi lắm như Mr. Đoàn Trung, VP Micron Technology (my companýs (Sandisk) rivalry in Flash Memory Products), người có 132 patents, hay Dr. Eugene Trịnh của NASA. và có hơn 300 Vietnamese American inventors with 3+ US patents.

Thầy còn nhớ tôi không

Giáo sư Nguyễn Xuân Vinh

Mới đây khi đọc tờ báo xuất bản ở miền Tây Bắc Hoa Kỳ một bài viết về "Trường Cũ", tôi thấy được tác giả nhắc tới rằng khi xưa tôi là một học sinh hiền lành. Cho đến bây giờ vẫn được bạn bè cho là con người hiền lành. Chỉ có nhà tôi thỉnh thoảng lại nói, "Anh mà là người hiền!?"

Một điều cố hữu với tôi là đối với các vị lớn tuổi hơn, với các thầy và cô giáo, cũng như các vị tu hành, tôi thưa gửi rất lễ phép. Những điều này tôi làm rất tự nhiên, từ hồi còn nhỏ cho đến bây giờ, không bao giờ thay đổi. Khi còn bậc tiểu học, tôi được học trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư,

chuyện ông Carnot (là Tổng Thống Cộng Hòa Pháp năm 1887) khi trở về làng tới thăm thầy học cũ và nói rằng "Tôi là Carnot đây, thầy còn nhớ tôi không?" Tôi không còn nhớ là thầy dạy tôi lúc bấy giờ bình luận chuyện này ra sao, nhưng đối với tôi, thực tình tôi cho chuyện này không có gì đặc biệt, giá trị luân lý so với những chuyện khác của người Việt Nam chúng ta như sự tích Lưu Bình-Dương Lễ (kể thêm cả Châu Long) thật là kém xa.

Từ ngày sống nơi khách địa, tôi mới nhận thức được lý do chuyện ông Carnot được kể ra như là một gương sáng đáng noi theo cho người Tây phương. Tôi đã nhìn thấy những người học trò, sau này tiến bộ hơn ông thầy, không những quên những ngày được dạy dỗ mà còn lên tiếng chê bai thầy là kém cỏi. ở trong bất kỳ một công hay tư sở, trong kỹ nghệ, trường học hay ở trong hệ thống chính quyền trên đất nước này, thế nào cũng có những người trẻ ở cấp bậc điều khiển, những người này tất nhiên đã có lần vượt lên trên những người trước kia quản lý hay chỉ dẫn cho mình. Tôi không biết họ còn nói được những câu ân tình với những người đã huấn luyện cho mình hay không.

Riêng tôi thì được may mắn trong tình bè bạn, có lẽ vì sự giao du thân mật của tôi chỉ giới hạn với những người tôi cho là hiền lành. Tôi ở trong quân đội mười bốn năm, sau này dạy học khoảng ba mươi năm, gặp những bạn bè và học trò cũ bao giờ tôi cũng thấy thoải mái. Nghĩa tình đối với những cựu chiến hữu xưa kia cùng chiến đấu dưới một bóng cờ, tôi đã nói đến nhiều trên mặt báo. Giờ đây tôi viết về kỷ niệm với học trò cũ...

* * *

Một lần tôi ghé sang San Jose, bạn bè mời tới dự một dạ hội. Một vị khách tới chào tôi và nói, "Em là Hải Quân Đại tá Trần Thanh Điền, trước kia học toán với giáo sư ở trường Pétrus Ký." Đại tá Điền là giới chức cao cấp ở phủ Tổng Thống thì ai cũng biết. Còn tôi trước kia có dạy học vài tháng ở trường Pétrus Ký, thì thật ít người biết. Tôi thật không ngờ trong những

học sinh trẻ thời ấy, sau này đạt mức cao cấp trong võ nghiệp. Về văn, cựu học sinh trường Võ Tánh ở Nha Trang là anh Trần Huỳnh Châu, sau này là công chức cao cấp trong chính phủ. Anh Lữ Văn Thành, cựu học sinh và cũng là cầu thủ bóng tròn xuất sắc của trường, sau này trong quân đội là sĩ quan liên lạc trong quân đội Việt-Mỹ. Sang Hoa Kỳ sau khi đi cải tạo về, anh viết hồi ký bằng tiếng Anh. Khi đã đăng vài chương trên phụ chương Anh ngữ của báo Người Việt, anh được nhà xuất bản Mỹ chú ý tới. Nghe tin tôi về Nam Cali, các anh và một số bạn học cũ mời tôi đi ăn một buổi có dịp hàn huyên. Sách của anh Thành có lời tựa của một Trung tướng Thủy quân lục chiến Mỹ, và tôi cũng viết mấy lời giới thiệu. Tôi đã viết anh là người đôn hậu và tính tình thủy chung. Khi xưa, trên sân cỏ, khi đã đưa banh qua hàng hậu vệ, anh đá thẳng như sấm sét vào khung thành gỗ. Giờ đây anh viết sách kể lại chuyện vinh quang trong quân ngũ và buồn tủi trong ngục tù, chuyện xảy ra sao, anh kể lại một cách trung thực, đi thẳng và mạnh vào tâm hồn người đọc, như đường banh khi xưa anh đi thẳng vào lưới.

Bằng hữu Không Quân chắc không ai biết nhà thơ tên tuổi Du Tử Lê trước kia là học trò của tôi trường Trung học Chu Văn An, có lẽ là vì ít thấy thơ anh đăng trên báo Lý Tưởng của Tổng Hội. Thơ của Du Tử Lê không những có nhiều bài được phổ nhạc mà lại có rất nhiều bài đã được dịch sang Anh ngữ. Tôi luôn mong mỗi nhân tài của mình được các dân khác trên đất nước này chú ý đến. Nếu chúng ta chỉ quần tụ với nhau trong một khung khép kín, kể cả sự luân lưu kinh tế, thì thật không thể tạo nên một sức mạnh nào có ảnh hưởng tới tương lai của đất nước. Tôi lấy một thí dụ để hiểu. Hồi tháng 5 năm 1996 tôi được mời tới Hoa Thịnh Đốn để nhận giải Excellence 2000 Award của United States Pan Asian American Chamber of Commerce. Trong những người được vinh danh ông Harry Wu là một người Trung Hoa tranh đấu cho nhân quyền nổi tiếng quốc tế. Ông bị nhà cầm quyền Trung cộng giam giữ 19 năm, từ 1960 tới 1979.

Năm 1985 ông được đại học California Berkeley mời sang làm giáo sư thỉnh giảng về môn địa chất học. Những sách ông viết trong thời gian ở Hoa Kỳ như "Laogai - The Chinese Gulag" và "Bitter Winds" đã nói lên những sự đàn áp nhân quyền một cách tàn bạo ở Trung Hoa lục địa. Năm 1995 ông trở về nước và bị cộng sản bắt ngay, đưa ra tòa, xử 15 năm tù giam. Sau đó vì áp lực của nhiều chính phủ và đoàn thể trên thế giới mà Trung cộng phải trả tự do cho ông, để ông trở sang Hoa Kỳ, bây giờ là một nghiên cứu gia ở viện Hoover thuộc Đại học Stanford. Ông Harry Wu đã được trả tự do, thường xuyên được phỏng vấn trên đài truyền hình mỗi khi có việc đáng chú ý xảy ra ở lục địa Trung quốc, một phần là ông có quá trình tranh đấu cho nhân quyền, đã diễn thuyết ở nhiều nơi và viết sách được nhiều người đọc, nhưng phần chính là cộng đồng người Hoa chống cộng của họ có ảnh hưởng mạnh ở các quốc gia họ cư ngụ.

Trở lại với Du Tử Lê, thơ dịch của anh đã được đăng trên Los Angeles Times và New York Times. Chúng ta cần có những người như anh, ở đủ mọi ngành, văn học, kinh doanh, kỹ thuật, giáo dục... hòa nhập vào cuộc sống hàng ngày trong những xã hội mình sinh sống. Mỗi lần được tin người Việt bay Boeing 727 cho dân sự, bay F-16 cho quân đội, hay một phụ nữ làm quản lý cho một công ty lớn, một chuyên gia giải phẫu người Việt đã chinh nghiệm được một phương pháp tân kỳ là tôi thấy có niềm vui trong lòng. Tôi mong có ngày nhìn thấy thường xuyên nữ xướng ngôn người Việt trên đài truyền hình. Những tên họ Nguyễn, hay Trần...dưới những bài trên Times và NewsWeek, Du Tử Lê gửi cho tôi mấy cuốn sách mới của anh, kèm theo một lá thư anh viết, đề ngày mừng Một Tết năm Đinh Sửu. Tuy chỉ kém tuổi tôi một giáp, nhưng anh vẫn xưng là "con", như tôi vẫn thường xưng như thế khi hàng năm viết thư thăm hỏi các thầy cô khi xưa dạy mình ở những lớp trung và tiểu học.

Học trò ngoại quốc của tôi cũng khá nhiều, và có nhiều người có chức vụ quan trọng. Có một lần tôi đi cùng với một ông mục sư Mỹ tới nhà một bà

bác sĩ để nhận một ít đồ đạc viện trợ giúp gia đình một chiến hữu mới tới định cư ở tỉnh tôi. Bà bác sĩ này dọn đi tỉnh khác nên định cho bớt một ít vật dụng trước khi xe chuyên chở tới dọn nhà. Sau khi trao đổi ít lời, bà cho chúng tôi gần hết những đồ đạc ở apartment của bà và nói rằng, :Tôi độc thân nên cũng không cần nhiều đồ bằng gia đình này." Ông mục sư nói riêng với tôi, "Những đồ này sang quá! Khi nào có khách, tôi tới mượn lại dùng ít ngày." Khi nghe bà mạnh thường quân này nói là có một đứa cháu cưng vừa được nhận vào học tại trường đại học nổi tiếng Purdue University, tôi nảy ra một ý kiến. Tôi xin bà bác sĩ một mảnh giấy với cái phong bì, viết mấy chữ đưa cho bà và nói rằng, "Thư này để gửi cho một học trò cũ của tôi là giáo sư Đại học Purdue. Nếu cần gì, cháu bà cứ mang thư này tới, người bạn tôi sẽ hết sức săn sóc cho cậu cháu." Tôi chắc bà không tin tưởng cho lắm ở bức cấm nang tôi đưa cho bà, và nếu bà bác sĩ có mở thư ra đọc thì trên đó tôi chỉ viết hàng chữ ngắn gọn: "Jim thân mến. Đã có một lần gia đình cậu sinh viên này giúp tôi một việc. Tôi mong rằng anh và Holly săn sóc cho cậu ta trong thời kỳ học ở West Lafayette." Riêng tôi thì tôi tin là người học trò cũ của tôi và vợ anh ta sẽ hết sức giúp cho cậu sinh viên Mỹ nếu được nhờ tới. Anh ta là người bạn hiền và chung thủy với tôi. Nếu không thì xưa kia tôi đã không nhận anh làm môn đệ.

Một lần tôi nhận được điện thoại từ văn phòng khoa trưởng khẩn khoản nhờ tôi giúp cho một việc. Một công ty lớn ở tiểu bang tôi vừa nhận được một công việc lớn ở Đài Loan và họ đang chuẩn bị đón tiếp một vị chủ tịch công trình này, cũng là trung tướng Không quân, sang để duyệt xét trước khi giao kèo. Ông này là Tiến sĩ Trần Bang Đạt, trước kia tốt nghiệp ở trường tôi, và có theo tôi học nhiều lớp. Ông đánh điện sang và ngỏ ý muốn trở lại thăm trường và gặp tôi. Ông chủ tịch công ty liên lạc với ông khoa trưởng vì họ là bạn bè với nhau. Ông khoa trưởng giao lại công việc cho tiểu ban ngoại vụ và họ nhờ tôi tiếp đón người học trò cũ và mời ăn trưa thịnh soạn, họ sẽ thanh toán mọi phí tổn. Tôi nhận lời, và vì bà Jean

Trần (Cheng) là vợ người học trò cũ của tôi cũng đi theo chồng sang lần này, nhân tiện thăm mấy con trai của họ ở Hoa Kỳ, tôi nhờ nhà tôi đặt một bữa ăn ở một phòng riêng tại một khách sạn của đại học. Tôi cũng mời vào khoảng hơn 20 sinh viên cao học Đài Loan tới để gặp giới chức cao cấp của họ. Tối giờ hẹn ông bà Bang Đạt tới thăm chúng tôi ở nhà riêng. Công ty Mỹ đã thuê một chiếc xe Limousine thật dài để đưa đón họ. Cùng tới phòng ăn, người khách phương xa nhất định mời tôi vào ghế chủ tịch, hướng ra phía ngoài. Tuy chuyện trò thân mật, nhưng anh vẫn một niềm lễ phép theo lẽ lối Á Đông dẫu rằng hiện nay anh quản lý một chương trình hàng mấy trăm triệu Mỹ kim mỗi năm.

Cách đây mấy năm, nhân dịp đi họp ở Viện Hàn Lâm Hàng Không và Không Gian của Pháp, tọa lạc ở Toulouse, một người bạn học cũ ở trường Sĩ quan Không Quân là bác sĩ Đặng Vũ Hùng khi nghe tin tôi qua Ba Lê, đã cho mấy người bạn Pháp cùng khóa biết. Một người bạn đồng khóa khác là Đại tướng Guéguen, lúc đó là Tư lệnh phòng không của Pháp đã mời tôi đến thăm bản doanh của ông và ăn trưa cùng với một số sĩ quan tham mưu của ông. Một ông Trung tướng, học khóa sau, khi bắt tay tôi đã hỏi, "Chắc ông không còn nhớ tôi?". Ông ta định nói là ngày xưa khi ở quân trường tôi cũng đã hành ông rất nhiều. Tôi xin nói lại là tôi là con người hiền, xưa nay không hề cậy thế bắt nạt ai bao giờ. Chắc bạn đọc không có thể nghĩ rằng Đại tướng Guéguen, phi công khu trục Mirage, lại là người rất thấp, chỉ cao bằng tôi mà thôi. Vì thế, khi xưa đứng theo hàng ngũ cao thấp của brigade sinh viên, ông chuyên môn đứng cạnh tôi. Trước khi từ biệt ra về, tôi và ông ta chụp chung một bức ảnh trước chiếc phi cơ đặt gần cổng. Ông đội mũ cát-két, còn là một đại tướng Không quân hiện dịch, tôi để đầu trần nay là người dân sự, trông trong bức hình ông hơi cao hơn tôi một chút.

Tôi cũng có nhiều học trò là sĩ quan Không quân Hoa Kỳ. Đặc biệt có người tôi chú ý đến hơn cả là anh Fred Frostic. Thời điểm 68-70 khi học

tôi, anh là thiếu tá phi công F-4C Phantom. Sau này anh lên Đại tá chỉ huy một Không đoàn F-16. Một dạo tôi nghe tin anh đã rời quân đội và trở thành chuyên gia nghiên cứu ở Rand Corporation là cơ quan nghiên cứu chiến lược có uy tín ở Hoa Kỳ. Mấy năm sau này tôi không tin của Fred. Cuối mùa đông năm ngoái, tôi nhận được bản tin hàng tuần loan báo có buổi nói chuyện với diễn giả là "Fred Frostic, Deputy Assistant Secretary of Defense".

Chức vụ này rất lớn. Trước đó mấy tháng, đại hội 96 của hội Khoa Học Kỹ Thuật Việt-Mỹ đã mời được một vị khách đặc biệt là ông Sid Lawrence J. Goffney, Jr. cũng có chức vụ là Deputy Assistant Secretary of Commerce, thuộc bộ Thương Mại đến làm diễn giả đặc biệt. Tôi đã được nói chuyện với ông và được biết trách vụ của ông thật rộng lớn. Điều này thực không lạ vì chính phủ liên bang Hoa Kỳ có trách nhiệm trên 51 tiểu bang và ảnh hưởng nhiều đến thế giới. Tôi đã tới hỏi vị giáo sư phụ trách mời diễn giả hàng tuần thì ông ta nói đúng là anh Fred, cựu sinh viên mà trong văn thư trao đổi ông thứ trưởng bộ Quốc phòng này có nói trước kia làm khảo cứu với tôi.

Theo thường lệ thì diễn giả được mời hay tới trường tôi khoảng 10 giờ sáng để gặp gỡ và thảo luận với một số giáo sư cùng chuyên môn khảo cứu. Sau đó thì một số sẽ cùng khách phương xa và giáo sư phụ trách mục diễn thuyết hàng tuần tới câu lạc bộ ăn trưa trước buổi diễn thuyết ấn định vào buổi chiều.

Sáng hôm sau tôi đến trường như thường lệ, vào khoảng 9 giờ sáng. Cửa phòng của tôi bao giờ cũng mở. Tôi nhớ đến chàng Thiếu tá Không Quân khi xưa, phi công khu trục Phantom F-4C, khá bảnh trai, tuy hoạt bát nhưng thật ra hiền lành. Đó là theo ý nghĩ của tôi, vì tôi cũng đã đối xử với anh như trong tình bạn giữa những người đã cùng bay bổng trên mây trời. Như Đại tá Trần Thanh Điền, như ông Trung tướng Không quân Trần

Bang Đạt ở Đài Loan, như nhà thơ Du Tử Lê, như ông giáo sư ở Đại học Purdue và nhiều người khác nữa tôi đã gặp và đã coi như trong tình bằng hữu. Tôi tin rằng ông Frostic khi tới trường thế nào cũng sẽ tìm tôi.

Đúng như vậy, vào khoảng hơn mười giờ sáng, tôi thấy anh tới phòng tôi, chào và nói câu tôi nghe quá quen thuộc. Dịch sang tiếng Việt, thì anh đã nói, "Tôi là Frostic đây, thầy còn nhớ tôi không?"

Professor Nguyễn Xuân Vinh

In The Twilight Of My Career As An Educator

Ngày tháng: 26/09/2005



Nguyễn Xuân Vinh, Ph.D., D.Sc.

Although at the University of Michigan we do not have mandatory retirement at a certain age for tenured professors, after thirty years as a research scientist and educator, I decided to take that step in the spring of 1999. By giving me the title of professor emeritus of aerospace engineering, the Regents of the University also presented me with a citation signed, on their behalf, by President Lee C. Bollinger, a distinguished authority on Constitutional Law. In the framed citation adorned with the seal of the University of Michigan, the last paragraph reads:

“Besides his outstanding career as a researcher and educator, Professor Vinh is widely recognized for his leadership and mentorship to the Vietnamese community. A widely-read novelist and poet, he was awarded the prestigious Vietnam National Literature Prize

in 1961. He has been much in demand as a speaker for Vietnamese organizations on such topics as education, culture, society, and the future of Vietnam and the Vietnamese people. He is widely recognized as a role model within the Vietnamese community in North America and elsewhere”.

Looking back at my long career, nothing can make me more proud of my accomplishments than this statement. It is primarily as a space scientist and university professor that I am known through my research publications, my editorial service to several international scientific journals, and, above all, by my contribution to the teaching of thousands of aerospace engineering students and through my guidance of doctoral candidates. I am deeply honored, however, that the University of Michigan has also acknowledged my extra-curricular activities such as writing essays and giving speeches for the extensive Vietnamese overseas community in my native Vietnamese language.

For the past twenty years, I have had the opportunity to visit several parts of this country in attending technical conferences, giving lectures at various universities. During those trips I have been in contact with the Vietnamese communities thriving in large metropolitan areas and talked to our younger generation and observed a steady progress in our resettlement as new refugees in the United States.

In 1992, at a conference on the shortage of professionals in Canada, Mr. William Winegard, the then Canadian minister for science and technology, said: “We won’t have a competitive society if we don’t have the people to make it competitive.” Statistics from the recent U.S. Census show that Vietnamese immigrants help to make this society more competitive. If we take a look at the achievements of the United States in any field of endeavor in recent years, we will see some Vietnamese contributions. For instance, there are more than 300 Vietnamese-American inventors with three or more U.S. patents. One of them, Mr. Doan Trung, a young engineer and vice president at Micron Corporation, in Boise, Idaho, has 132 patents. Medicine is another area where young Vietnamese-Americans excel. Across the United States, from Harvard University to the University of Chicago and to the University of California at San Francisco where some of the top medical schools are located, we see Vietnamese-American students donning white uniforms and graduating with honors from medical schools. A conservative estimate places the number of Vietnamese physicians practicing in this country at close to 4200. This means that we have on the average nearly 4 doctors for every 1000 Vietnamese-Americans, a ratio otherwise attained only in some wealthy localities. Some students go on to teach medicine. We now have several prominent Vietnamese professors in American medical schools. One of them, Dr. Nghiem Dao Dai, who initiated an innovative procedure for pancreatic transplantation in patients with Type I diabetes is a frequent contributor to leading medical journals in the U.S. and Canada . In the Washington D.C. area, there is an annual listing of the top physicians as voted by their colleagues. They are the people fellow doctors would send their relatives to if they were to become sick. You can see a Vietnamese name, Dr. Trinh Duc Phuong, in the sub-specialty of infectious diseases. He has made the list four years running. His brother is on the faculty of Johns Hopkins Medical School. In Long Beach, California, the medical clinic and laboratory of Dr. Truong Dung, a world renown specialist in Parkinson disease

has a long list of patients coming from foreign countries to seek treatment.

We came from a country where half a century ago the standard means of locomotion was the bicycle. And yet, our youngsters have accepted the challenge of learning to fly supersonic aircraft. One of them, Lieutenant Tran Nhu Hoang graduated at the top of his class at the U.S. Air Force Academy in Colorado Springs. He went on to Harvard Medical School after a stage as a Rhodes scholar in England. He is now an Air Force surgeon in San Antonio, Texas. His wife is also a Vietnamese medical doctor. At a time, we saw on national television the graduation ceremonies at the Naval Academy in Annapolis. Out of the Class 1999 consisting of 737 midshipmen, a Vietnamese girl, Nguyen Thi Cam Van ranked second in the graduating class. I have met several senior officers among our second generation Vietnamese-Americans serving in the Armed Forces of the United States of America. An example is Major Pham Hoang Thu USAF; the last time I saw him, he is an instructor pilot for the F-16, an advanced jet fighter. The Vietnamese community has at least one person in the distinguished corps of astronauts, Dr. Eugene Trinh, who flew on a space shuttle mission and is also an astrophysicist with an outstanding research record. As other examples of significant contributions in science and technology, I can mention Mr. Nguyen Thanh Tien who received the NASA Exceptional Medal Award for his unusual contribution to the Galileo mission, and also Dr. Nguyen Manh Tien, the recipient of several honor awards and member of the NASA-Jet Propulsion Laboratory delegation to the International Consultative Committee for Space Data Systems (CCSDS). They are among several hundred young Vietnamese men and women working in the space program of the US. With our devotion to our professions, we are steadily climbing the ladder in the industrial hierarchy and, at the same time, earning the respect of our American colleagues. Dr. Cai Van Khiem is a shining example. With many patents for his inventions, he became the youngest engineer to hold the position of “Chief Division Technologist” at Hughes Aircraft Company.

Many of us have opted to teach at universities and professional schools as a way of propagating knowledge and, at the same time, in accordance with Asian tradition, giving back what we have received with our education. On both sides of the Atlantic Ocean, at the University of Paris for example, and at Harvard University, and down under at several outstanding universities in Australia, Vietnamese scholars are listed on the faculty rosters. Those of us who subscribe to the ideal of scholarship also believe in the service to humanity.

Some of the achievements by the new immigrants were extraordinary enough to warrant reporting by the news media. Professor Nguyen Huu Xuong’s laboratory at the University of California in San Diego was officially recognized by the National Institutes of Health (NIH) as a National Research Resource. His invention, the famous Xuong’s machine, greatly contributed to the study of protein structure in cancer research. In Canada, Mrs. Hoang Thieu Quan became the first woman to serve as Director of Finance for the city of Montreal. In 1991 the budget she oversaw was nearly two billion dollars. At the University of Notre Dame in South Bend, Indiana, Dr. Le Trai was the first female professor to receive tenure in the Law School. For twenty years before her retirement in 1997, she had the sole responsibility for teaching Commercial Law besides several other

courses in her own area of expertise. She has taught every law student attending the institution during that time. These facts were reported by Dr. Carol Ann Mooney, a colleague of Professor Le in the Law school, and a Vice President and Associate Provost at the University of Notre Dame.

Some of our younger professionals were also in the national news. At the Massachusetts Institute of Technology, Mr. Nguyen Tue holds the record of receiving five bachelor degrees ranging from Physics and Mathematics to Electrical Engineering before settling in a Master's degree and then a Ph.D. degree in Nuclear Engineering. These gave him a total of seven degrees from MIT in seven years. In May 1996, we saw on national television the selection of a young medical graduate, Dr. Nguyen Ngoc Quang, as ABC's Person of the Week. He overcame critical brain damage after an automobile accident to graduate with distinction from Baylor College of Medicine in Texas. Using his own experience, he is now a devoted physician in medical rehabilitation. In sports, we can mention the extraordinary achievement of Nguyen Dat at Texas A & M University, winner of the 1998 Lombardi trophy as the best defensive lineman in football in the nation. He is now playing for the Dallas cowboys. In the Arts, Vietnamese living abroad and at home, we all feel proud of the success of Tony Bui, the young Director of the movie "Three Seasons", winner of the Grand Jury Prize, the Audience Award and Cinematography Award at the Sundance Film Festival. On July 21, 1999, the National Public Radio in Washington D.C. had a special program on their "Talk of the Nation" to commemorate the one hundredth anniversary of Ernest Hemingway. If you are one of the millions American devotees who listen to the program, you wouldn't believe that a young Vietnamese scholar had a hand in the writing of the script, and that he was also the one who provided the voice-over for Papa Hemingway in the studio rendition of the few passages relating to the famous writer and journalist's stay in Paris in the late twenties .

The few examples I have mentioned were among those abounding within Vietnamese communities I have visited. The success of our resettlement, especially in encouraging our children to receive an education and be trained as professionals is in part due to an excellent family tradition of togetherness. In a paper published in the February 1992 issue of Scientific American by Drs. Caplan, Choy and Whitmore from the University of Michigan, the scholastic success of the Indo-Chinese children is credited to the support from their parents. I know this through my own experience. My wife and I are the parents of four children, and, in providing them with our moral and financial support so that they can achieve their common goal of becoming contributing citizens in their new country, we too have had to face and endure hardships. Our family came to the USA, not in 1975 like most of our compatriots, but in 1962 on a scholarship provided by the USAF, so that I had a head start of slightly more than a decade. But in reality, it was not entirely all to my advantage.

Let me recall my story from the beginning. In a recent issue of the US News and World Report, there is the annual ranking of American colleges and universities, broken down by regions, size, and specialties. In the technical area, The College of Engineering at the University of Michigan ranks third in the nation after MIT and Stanford University. In the sub-specialty of Aerospace Engineering, its Department of Aerospace Engineering

stands at number 4, following MIT, Caltech and Stanford University. Since I being associated with that Department for thirty years, having been a full professor since 1972, I can rightfully claim that I have a fair share in contributing to that high ranking. But that professorship was not presented to me on a silver tray . I had to earn it in a very hard way because I wasn't even a graduate from the same highly ranked universities in that recent U.S. News and World Report survey. Back in 1962, when I prepared my application for admission to graduate school in the US, I put my preference as MIT first and Stanford second. I also mentioned that in case I was required to attend a state-supported university, my first preference was the University of California at Berkeley and my second choice was the University of Michigan in Ann Arbor. Those were the schools which enjoyed outstanding academic reputation in Asia. But before sending off my application, I was told by my sponsor, in a very diplomatic way, that I would be more comfortable in one of the schools they had selected for me, which were either the University of Arizona in Tucson or the University of Colorado in Boulder. They were good schools at that time, but they were not in the top 25, except in their football rankings. I chose Boulder, Colorado because I like mountains. In my first week of orientation as a new graduate student, I quickly found out that the University of Colorado, indeed, the entire state of Colorado had never before conferred a doctorate in Aerospace Engineering. Two and a half years after I registered as a new graduate student, in December of 1964, I made history at the University of Colorado by becoming its first doctoral recipient in aerospace engineering. The following year, I received an offer for a lectureship from UC Berkeley, an offer which I declined in order to stay on as a faculty member in Boulder. But later on, I did come to Berkeley as a visiting professor for one semester. And exactly ten years after I was given the hint that my aspiration to come to Michigan as a graduate student may have been somewhat too ambitious, I achieved the rank of full professor at that great institution.

Over the years, in my contact with young Vietnamese refugees, I was frequently asked questions about my work with NASA and what was my most significant contribution to the U.S. space program. My primary vocation is education and over the years, first at the University of Colorado and then later at the University of Michigan, I have contributed to the training of several thousand aerospace engineers for our national space program. In addition, I have served as thesis advisor and chairman of doctoral committee for about thirty successful candidates. Several of those graduate students were supported by research grants which I received from the National Aeronautics and Space Administration and from the US Air Force . You may have heard of the expression "Publish or Perish"-- meaning that at a research university, if you cannot get outside funding for your research, you have no budget for hiring research assistants and therefore you cannot publish, and it is thus better for you to find another place where there is less pressure to acquire research grants. I survived that competitive culture at the University of Michigan and over the years did provide financial support for some of my teaching and research assistants. Results of my research were published as scientific papers in international journals, or as technical reports by the NASA and the USAF. Some of my papers were translated into French and Russian and reedited in the corresponding countries. As an example, I joined two colleagues, in writing a research monograph in which we presented our collective research efforts supported by several grants from

NASA Langley Research Center in Hampton, Virginia. The book was titled “Hypersonic and Planetary Entry Flight Mechanics” and although on the cover there is an artist painting of a space shuttle during atmospheric reentry, the book was published in 1980, one year before the maiden flight of the vehicle. The theories we developed have stood the test of time and now, although this book is long out-of-print, its contents are still referenced in current scientific research literature.

The professional society for aerospace engineers and scientists, with a membership of nearly 200,000, is the American Institute of Aeronautics and Astronautics. It has instituted several annual awards. In my area of expertise since 1967 we have the coveted “Mechanics and Control of Flight Award” presented each year to one individual selected by the Honors and Awards committee based on nominations by the peers. I was the winner in 1994. On one side of the medal there is an engraving of the Wright brothers’ biplane and astronaut Neil Armstrong’s footprint on the moon. The picture represents America’s formidable aerospace progress in the 20th century. My full name is engraved on the other side with the citation “For outstanding contributions to the mathematical theory of optimal control, applied to the flight mechanics of aerospace vehicles in the atmosphere and in space”. Usually, when you receive a distinguished medal, you wear it the first time on the podium. The second time you wear it, if your award is popular and is marketable, is to take your picture for box of cereals or for selling to magazines. Someday I would like to put it on, for a second time, when I think that the time is right for celebration, when the contributions of all Vietnamese Americans are officially recognized by the US Government. Only then when our voices will be heard by our representatives in the U.S. Congress over our concern for human rights violation in Vietnam, our ancestral country.

In the twilight of my career, with less pressure on scientific research, I will spend more time to write about my experiences, in order to share with you, my fellow compatriots, the difficulties I have encountered in the past, in this new land. Our journey across life can be compared to the flight of an aircraft across a vast ocean. Sometimes we are favored by a tail wind which gives us a faster ground speed. But sometimes on other occasions, we may face a head wind with adverse effects. As the first generation of immigrants, we are the pioneers, and we may run into obstacles. Just as the aircraft has to get to the other side of the ocean because it has passed the point of no return, when facing the head wind in our life, such as in the case of social injustice, we should keep our heads high, our chins up, and then with physical endurance, technical expertise, and with spiritual strength, by dedication and dignity, we shall join force together to overcome adversity and fulfill our dream of equal opportunity, equal rights and equal responsibility, and in so doing, make it a reality. Let us continue then to work harder and harder, but always in harmony, and then through mutual assistance, helping each other. Through training, tutoring and educating, we shall expand our group and ultimately give the Vietnamese-American minority a stronger voice and a dignified place in the United States. Then in time, together with all the citizens of this country, hand in hand, we will be well prepared, technically and spiritually, to move forward in this twenty--first century. This past century has seen the collapse of the world communism in Eastern European countries. At the beginning of a new century, with the spread of democracy in

Asia, the remnants of communism in Vietnam, our native country, will certainly fall into oblivion. Be prepared to assist the reconstruction of that emerging and democratic country, the place where your parents were born.

Source:

<http://www.vietnamreview.com/english/modules.php?name=News&file=article&sid=35>